

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 18-01-2021  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* bà Lâm Thúy Liễu

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Mai Trần Phúc

Ông Hoàng Đình Ngân

**- Thư ký phiên tòa:** bà Đàm Nguyên Phượng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** chị Nguyễn Thị Huỳnh Như – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2021 tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 649/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2020 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** chị Nguyễn Thị Hồng Đ, sinh năm 1988

Địa chỉ: Số 65/5B, ấp Long H, xã Trường T, huyện Hòa Th, tỉnh Tây Ninh.

**2. Bị đơn:** anh **Võ Thành M**, sinh năm 1978

Địa chỉ: ấp Bến C, xã Ninh Đ, huyện Châu Th, tỉnh Tây Ninh.

Chị Đ có đơn yêu cầu vắng mặt, anh M vắng không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 07/10/2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng Đ trình bày:*

Về hôn nhân: chị và anh Võ Thành M chung sống với nhau 1999, có đăng ký kết hôn tại xã Trường T, huyện Hòa Th, tỉnh Tây Ninh năm 2011. Chung sống đến tháng 12 năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn do anh M không quan tâm chăm sóc vợ con, không có trách nhiệm trong cuộc sống gia đình. Vợ chồng ly thân từ tháng 12 năm 2013 cho đến nay. Chị nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn với anh M.

Về con chung: có 02 con chung:

1. Võ Khánh D, sinh ngày 01/01/2011

2. Võ Hoàng Ph, sinh ngày 04/9/2012

Chị yêu cầu nuôi con, không yêu cầu anh M cấp dưỡng.

Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết, chị xác định vợ chồng không có nợ chung.

*Anh Võ Thành M không đến Tòa án, không có ý kiến trình bày.*

*Ý kiến của Viện kiểm sát:*

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa sơ thẩm dân sự. Đương sự là nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Riêng bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Về nội dung: Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con của chị Đ đối với anh M. Giao con chung cho chị Đ nuôi dưỡng, anh M không cấp dưỡng nuôi con do chị Đ không yêu cầu. Về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết, nợ chung xác định

không có nên không đặt ra xem xét. Chị Đ phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hồng Đ vụ án có quan hệ pháp luật là ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Võ Thành M cư trú tại huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng anh Võ Thành M không đến tòa án. Áp dụng Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh M. Riêng chị Đ có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Đ.

Về nội dung vụ án:

[3] Về hôn nhân: anh chị tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trường T, huyện Hòa Th, tỉnh Tây Ninh năm 2011 nên hôn nhân giữa chị Đ và anh M là hợp pháp theo quy định tại Điều 9, 10, 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Chị Đ cho rằng anh M không quan tâm chăm sóc vợ con, không có trách nhiệm trong cuộc sống gia đình. Quá trình từ khi thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử anh M không đến Tòa án, không thể hiện ý kiến về việc chị Đ yêu cầu ly hôn. Theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự anh M có nghĩa vụ cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nhưng không đưa ra chứng cứ để chứng M, xem như anh M không muốn níu kéo quan hệ hôn nhân với chị Đ, do đó Tòa án giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ. Quá trình Tòa án xác M mẹ anh M xác định giữa vợ chồng anh chị có mâu thuẫn do không hợp nhau và đã ly thân. Như vậy, xác định vợ chồng anh chị có mâu thuẫn dẫn đến tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân

không đạt được nên cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đ.

[4] Về con chung: các con có nguyện vọng sống với mẹ, chị Đ yêu cầu được nuôi con nên xét thấy cần giao con chung là Võ Khánh D, sinh ngày 01/01/2011 và Võ Hoàng Ph, sinh ngày 04/9/2012 cho chị Đ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Ghi nhận chị Đ không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn, anh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung: chị Đ không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết. Chị xác định vợ chồng không nợ ai.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Nguyễn Thị Hồng Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 91; Khoản 2 Điều 92; Điểm b Khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con của chị Nguyễn Thị Hồng Đ đối với anh Võ Thành M.

Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Hồng Đ và anh Võ Thành M.

Về con chung: giao con chung là Võ Khánh D, sinh ngày 01/01/2011 và Võ Hoàng Ph, sinh ngày 04/9/2012 cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận chị Đ không yêu cầu cấp dưỡng. Sau khi ly hôn, anh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung: chị Đ không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết, chị trình bày vợ chồng không nợ ai.

2. Về án phí: chị Nguyễn Thị Hồng Đ phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007619 ngày 13 tháng 10 năm 2020 của Cơ quan thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- VKSND h Châu Thành;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lâm Thúy Liễu**